

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HC-ST

Ngày: 15-7-2022

V/v khiếu kiện: Hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Cảnh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trọng Đại
Ông Phạm Văn Thọ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:***
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử theo trình tự sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 09/2022/TLST-HC ngày 10-01-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HC ngày 07-7-2022 giữa:

1. ***Người khởi kiện:*** Bà Lưu Thị T, (tên gọi khác: Nguyễn Thị Th) sinh năm 1934; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Nam Định. Theo văn bản ủy quyền ngày 27-5-2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hồ Ngọc H; ông Đỗ Mạnh H1; ông Phan Văn H2 - là Luật sư; cán bộ, nhân viên của công ty Luật TNHH Hùng Tín thuộc đoàn Luật sư Hà Nội. Địa chỉ: Tòa N02 ngõ 259 P205 phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Nam Định; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quang X - Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn D - Phó chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Nam Định (Theo văn bản ủy quyền ngày 17-3-2022); Địa chỉ: Thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* UBND xã B, huyện T, tỉnh Nam Định. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Chủ tịch UBND xã B, huyện T, tỉnh Nam Định. Địa chỉ: Xã B, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh Trần Văn T1; ông Đỗ Mạnh H1; ông Phan Văn H2 có mặt; ông Hồ Ngọc H; Ông Lưu Văn D và ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa. Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Năm 1993, UBND huyện T có chủ trương thực hiện chính sách cấp đất giãn dân tại khu vực thôn Thượng Nông, xã B đối với các hộ gia đình chính sách và giao cho UBND xã B xem xét tìm nguồn quỹ đất tại địa phương xem phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để thực hiện chính sách đã đề ra.

Sau khi có chủ trương về việc cấp đất giãn dân của UBND huyện T, UBND xã B đã xem xét đến tình hình sử dụng đất thực tế và quỹ đất tại địa phương và nhận thấy khu vực ao cá Bác Hồ thuộc thôn N là phù hợp với chủ trương của UBND huyện đề ra. Khu vực ao cá Bác Hồ có diện tích khoảng hơn 2.000 m² (*Hai nghìn mét vuông*) chia thành 22 thửa đất với diện tích mỗi thửa khoảng 100m², giá tiền cho mỗi thửa là 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). UBND xã B đã trình phương án trên ra Hội đồng nhân dân xã B và được Hội đồng nhân dân xã ra nghị quyết đồng ý với kế hoạch với phương án mà UBND xã Bình Minh đã trình. Sau khi thống nhất phê duyệt, UBND xã B đã trình phương án nêu trên lên UBND huyện T và được UBND huyện T đồng ý và đưa ra Hội đồng nhân dân huyện T để họp bàn và đi đến thống nhất ra nghị quyết đồng ý kế hoạch và phương án đã trình là cấp đất giãn dân tại khu vực thôn N, xã B đối với các hộ gia đình chính sách và sử dụng quỹ đất tại khu vực ao cá Bác Hồ thuộc thôn N. UBND huyện T đã trình kế hoạch và phương án sử

dụng đất này lên UBND tỉnh Nam Định và UBND tỉnh Nam Định đã trình xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định và đã được chấp nhận. Sau khi đã hoàn tất các thủ tục, UBND huyện T thông báo và giao cho UBND xã B tiến hành thông báo cho hộ gia đình có đủ điều kiện thì sẽ được cấp đất nhưng phải nộp tiền vào ngân sách thì mới được giao đất.

Bà Lưu Thị T (tức Nguyễn Thị Th) trú tại thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Nam Định nhận thấy bản thân là gia đình chính sách, cả gia đình với 10 nhân khẩu cùng sống trong khuôn viên có diện tích 120m², điều kiện sinh hoạt ở mức tối thiểu không đảm bảo nên nhu cầu sử dụng đất là cần thiết. Do vậy gia đình bà T làm đơn xin được cấp đất và được UBND xã đồng ý phê duyệt như chủ trương đã đề ra. Được sự hướng dẫn, giúp đỡ của UBND xã B, đến ngày 17-6-1995 gia đình bà T làm thủ tục và đã nộp 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) vào ngân sách nhà nước để mua thửa đất với diện tích 100m² tại khu vực ao cá Bác Hồ tại thôn N. Việc nộp tiền được UBND xã lập phiếu thu, có ký xác nhận của chủ tịch UBND xã Lưu Quốc Y và đóng dấu đỏ. Sau khi hoàn tất thủ tục hành chính, đại diện UBND xã đã chỉ phần diện tích đất của gia đình bà T được cấp. Nhận được đất, gia đình đã vượt lập, san lấp để xây nhà. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn, gia đình mới san lấp được một phần đất mà chưa khởi công xây dựng, ngoài ra xác định đây là phần đất của gia đình đã được cấp theo chủ trương nên gia đình đợi đến khi điều kiện có thì mới làm nhà. Đến nay, gia đình bà T vẫn chưa được UBND huyện giao đất cũng như các thủ tục hợp pháp liên quan đến thửa đất được cấp để gia đình xây dựng tạo cuộc sống cho các thành viên trong gia đình. (Hiện tại gia đình vẫn phải đi thuê trọ ở nhiều nơi). Về phía gia đình thì cũng phải chịu nhiều tổn thất về vật chất, ảnh hưởng đến niềm tin lẫn tinh thần. Gia đình bà T cũng đã nhiều lần làm và gửi đơn đến cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan đến việc cấp đất để yêu cầu được giao đất nhưng đến nay vẫn không có phương án giải quyết triệt để và không giao đất như chủ trương ban đầu. Trong khi đó các hộ gia đình khác được cấp đất cùng thời điểm thì đã được giao đất, xây dựng nhà kiên cố và sinh sống ổn định từ nhiều năm nay. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, bà T yêu cầu UBND huyện T thực hiện việc giao đất cho gia đình bà tại khu vực ao cá Bác Hồ thuộc thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Nam Định như chủ trương của UBND huyện T đối với các hộ gia đình chính sách được cấp đất giãn dân và đã được gia đình thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp vào ngân sách theo phiếu thu ngân sách số 60 ngày 17-6-1995 được ký xác nhận của chủ tịch UBND xã Lưu Quốc Y và đóng dấu đỏ.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án; tại đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Lưu Văn D - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị T (tức Nguyễn Thị Th) trú tại thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Nam Định. Từ năm 1995 gia đình bà đã nộp số tiền 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) để được giao thửa đất tại khu vực ao cá Béc Hồ thuộc thôn N. Tuy nhiên, qua các thời kỳ và đến thời điểm hiện tại thì gia đình bà vẫn chưa được giao đất.

Để bảo vệ quyền lợi cho gia đình bà T, UBND huyện T giao nhiệm vụ cho UBND xã B rà soát nội dung vụ việc đề ra hướng giải quyết để báo cáo với cơ quan chức năng của huyện nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân dựa trên cơ sở quy định của pháp luật.

Theo báo cáo của UBND xã B và các tài liệu, kết quả làm việc giữa phòng Tài nguyên và Môi trường với UBND xã B ngày 11-10-2021 thì năm 1993 do điều kiện chỗ ở, gia đình bà T có đơn gửi UBND xã B xin được cấp đất ở tại khu vực ao cá Béc Hồ thôn N, xã B, huyện T. Ngày 17-6-1995 bà T đã nộp 2.400.000 đồng (có phiếu thu số 60) trên phiếu thu ghi rõ người nộp tiền là ông Lưu Văn V (ông V thay bà T), lý do nộp tiền bồi thường lệ phí đất ở giãn cư năm 1995, có chữ ký của kế toán, chủ tịch UBND xã B thời điểm đó là ông Lưu Quốc Y ký tên, đóng dấu. Đến nay UBND xã chưa thực hiện việc giao đất cho hộ bà T tại khu vực ao cá Béc Hồ cũng như tại vị trí khác. Bà T chưa được giao nhận đất từ UBND xã B.

Quá trình giải quyết kiến nghị của bà T, UBND huyện nhận thấy việc thu tiền của UBND xã B nhằm mục đích giao đất cho hộ bà T là trái thẩm quyền nên việc giao đất chưa thực hiện. UBND xã B chưa giải quyết và chưa đề xuất hướng giải quyết. Đến thời điểm hiện nay, UBND xã B cũng chưa thực hiện việc giao đất cho hộ bà T tại khu vực ao cá Béc Hồ cũng như vị trí khác. Bà Lưu Thị T là vợ của liệt sĩ Nguyễn Văn Th, con dâu của gia đình có hai liệt sĩ, mẹ chồng bà T được phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện và UBND xã B đối chiếu với các quy định của pháp luật để đáp ứng nguyện vọng giao đất theo hình thức giá đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho gia đình bà T. Đồng thời xem xét số tiền 2.400.000 đồng được khấu trừ vào số tiền khi giao đất mà bà T phải nộp, áp dụng đầy đủ các chính sách của Nhà nước đối với người có công theo quy định hiện hành. Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả cụ thể do quỹ đất ở của UBND xã B hiện có (theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất) không đáp ứng

được nguyện vọng của gia đình bà T, vì gia đình bà yêu cầu phải được nhận đất tại khu vực ao cá Bác Hồ.

Việc UBND xã B đã thu tiền nhưng chưa giao đất cho hộ bà T, nghĩa là hộ bà T chưa được sử dụng đất. Do vậy không thể thực hiện việc xem xét công nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất trái thẩm quyền theo Hướng dẫn số 42,1456 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Việc ông Trần Văn T1 (người được ủy quyền) khởi kiện yêu cầu UBND huyện T giao đất tại khu vực ao cá Bác Hồ cho gia đình bà T là không có căn cứ pháp luật để giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án; tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn L - Chủ tịch UBND xã B trình bày:

Năm 1995 bà Lưu Thị T (tức Th) được UBND xã B (nhiệm kỳ 1994 - 1999) thu tiền 1 lô đất khu vực ao cá Bác Hồ thuộc thôn N để làm nhà ở với số tiền 2.400.000 đồng (Phiếu thu do UBND xã thu tiền). Bà T đã rất nhiều lần kiến nghị UBND xã B về việc giao đất nhưng đến nay vụ việc vẫn chưa được giải quyết. UBND xã đã thành lập đoàn công tác xuống đo đạc hiện trạng thực tế, kiểm tra các hộ hiện nay đang sử dụng là cơ sở đối soát với hồ sơ xác minh nghĩa vụ tài chính ban đầu mà UBND xã qua các nhiệm kỳ trước đã thu tiền giao đất tại khu vực ao cá Bác Hồ.

Cụ thể: Năm 1995 UBND xã B đã thu tiền và dự kiến giao đất tại khu vực ao cá Bác Hồ, thôn N cho 21 hộ dân. UBND xã dự kiến giao đất là 100m²/lô (*chiều rộng mặt đường 5m, chiều dài 20m*). Sau đó, trong thời gian nhiều năm không tổ chức giao đất được là do cán bộ và nhân dân thôn N không cho bán đất khu vực ao cá Bác Hồ. Theo báo cáo giải trình của nguyên cán bộ địa chính thời điểm 1988-2005, một số hộ tự động nhận đất ông cha, tự ý san lấp, quây vùng nhận phần. Đến năm 2003, UBND xã đã đo hoàn thiện được 17 hộ (đều là các hộ đã tự ra đo và nhận đất từ trước).

Ngày 25-6-2019 qua công tác kiểm tra đo đạc xác định đã có 19/21 hộ theo danh sách nộp tiền năm 1995. Bà Lưu Thị T và còn một hộ dân thuộc 21 hộ trong danh sách UBND xã thu tiền cấp đất giãn cư khu vực ao cá Bác Hồ nhưng đến nay chưa được giao đất. Khu vực ao cá hiện nay qua kiểm tra hiện trạng chiều đo giao với mặt đường từ đông sang tây gồm có 22 hộ đang sử dụng, các hộ đã tự phân chia ranh giới. So sánh với danh sách các hộ mà UBND xã thu tiền năm 1995 thì 19 hộ đã có vị trí đất tại thực địa, còn 3 hộ theo sơ đồ không có trong danh sách nộp tiền mà tự ý san lấp mặt bằng lấn chiếm từ thời điểm năm 2003 trở về trước.

Báo cáo giải trình của nguyên cán bộ địa chính thời điểm đó về việc hộ bà T và hộ dân khác không được giao đất: Năm 2003 hộ ông Phạm Văn Tr tự ý ra san lấp cắm mốc nhận phần đã xây dựng nhà cấp 4, hộ bà Y ngoài việc nộp tiền năm 1995 để nhận một suất đất thì lấn chiếm thêm một suất để xây nhà cấp 4. Hộ ông X đã chiếm dụng một suất hiện đã xây nhà hai tầng. Như vậy tại khu ao các Bác Hồ có hai suất đất mà UBND xã đã thu tiền và dự kiến giao đất ban đầu cho bà T hiện nay do hộ ông Tr và hộ bà Y lấn chiếm. UBND xã đã nhiều lần giải quyết tranh chấp nhưng không thành và cũng đã lập báo cáo lên UBND huyện T. Năm 2003, UBND xã B cũng đã tổ chức cưỡng chế việc vi phạm pháp luật đất đai đối với hộ ông Phạm Văn Tr nhưng không thành. Lý do là công tác quản lý đất đai tại địa phương từ trước năm 2004 còn lỏng lẻo, chưa kiên quyết đối với tình trạng lấn chiếm. Vì những lý do trên, đến nay hộ bà T vẫn chưa được giao đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của các đương sự đều thực hiện đúng theo các quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Về giải quyết vụ án: Xét thấy, năm 1995 bà T có nhu cầu xin đất giãn dân UBND xã B thu tiền 1 lô đất khu vực ao cáo Bác Hồ thuộc thôn N để làm nhà ở với số tiền 2.400.000 đồng của hộ gia đình bà T (có phiếu thu kèm theo). Các hộ khác trong cùng thời điểm mà UBND xã B thu tiền cấp đất giãn dân được cấp đất để ở. Đến nay hộ bà T vẫn chưa được giao đất theo đúng vị trí dự kiến ban đầu là khu vực ao cáo Bác Hồ thuộc thôn N. Tuy nhiên, tại thông báo số 14 ngày 9-7-2019 của UBND xã B trả lời đơn của bà T có thể hiện: UBND xã B thời điểm năm 1995 thu tiền cấp đất trái thẩm quyền khu ao cá Bác Hồ đối với 21 hộ dân trong đó có hộ bà T. Cũng tại bản khai của ông Lưu Văn D tiếp tục khẳng định việc thu tiền của UBND xã Bình Minh thời điểm năm 1995 thu tiền cấp đất khu ao cá Bác Hồ đối với 21 hộ dân trái thẩm quyền.

Theo quy định tại Điều 19 Luật đất đai năm 1993 quy định các căn cứ để giao đất thì hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện nội dung quy hoạch, kế hoạch cấp đất giãn dân tại khu vực Ao cá Bác Hồ của UBND huyện cũng như phương án, kế hoạch của UBND xã trình UBND huyện. Không có các tài liệu liên quan đến việc đã giao đất cho 19 hộ dân đã đóng tiền và ở ổn định đến nay. Do vậy, việc giao đất của UBND xã B thực hiện khi chưa có quy hoạch, kế hoạch cụ thể mà tiếp tục giao đất cho hộ bà T là không phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23 Luật đất đai năm 1993. Việc thu tiền của UBND xã B là vi phạm pháp luật nên không thể buộc UBND huyện phải giao đất, tức là tiếp tục thực hiện hành vi vi

phạm pháp luật. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính đề nghị HĐXX sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị T về việc yêu cầu UBND huyện T giao đất cho hộ bà T tại khu vực ao cá Bác Hồ thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Nam Định.

Về án phí: Dương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hành vi hành chính của UBND huyện T không giao đất cho gia đình bà T tại khu vực ao cá Bác Hồ thuộc thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Nam Định như chủ trương của UBND huyện T đối với các hộ gia đình chính sách được cấp đất giãn dân mà đã được gia đình thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp vào ngân sách theo phiếu thu ngân sách số 60 ngày 17-6-1995 đã tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà Lưu Thị T (tức Nguyễn Thị Th). Đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vậy bà T có quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

UBND huyện T ban hành văn bản số 373/UBND-VP ngày 20-5-2021 trả lời đơn của bà Lưu Thị T về việc giao đất tại khu vực ao cá Bác Hồ. Ngày 16-12-2021 bà Lưu Thị T nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đến tòa án. Sau khi nhận đơn, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Việc ủy quyền tham gia tố tụng cũng như thủ tục đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người bị kiện đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, ông Hồ Ngọc H; Ông Lưu Văn D và ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn

cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét tính hợp pháp về hành vi hành chính bị khiếu kiện của UBND huyện T đối với việc không giao đất cho gia đình bà Lưu Thị T tại khu vực ao cá Béc Hồ:

[2.1] Về diễn biến quá trình đề nghị giao đất: Năm 1993 do có chủ trương thực hiện chính sách cấp đất giãn dân tại thôn N, xã B đối với các hộ gia đình chính sách, UBND xã B xem xét nguồn quỹ đất và nhận thấy khu vực ao cá Béc Hồ thuộc thôn N với diện tích khoảng hơn 2.000 m² (*Hai nghìn mét vuông*) chia thành 22 thửa đất, diện tích mỗi thửa khoảng 100m² giá tiền cho mỗi thửa là 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi đã hoàn tất các thủ tục, UBND xã B tiến hành thông báo cho các hộ gia đình mà có đủ điều kiện thì sẽ được cấp đất và phải nộp tiền vào ngân sách thì được giao đất. Năm 1993 do điều kiện khó khăn về chỗ ở, gia đình bà Lưu Thị T là vợ của liệt sĩ Nguyễn Văn Th, con dâu của gia đình có hai liệt sĩ, mẹ chồng bà T được phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng và có đơn gửi UBND xã B xin được cấp đất ở tại khu vực ao cá Béc Hồ của thôn Thượng N, xã B, huyện T. UBND xã B đã thu tiền do gia đình bà T nộp là 2.400.000 đồng theo phiếu thu số 60 ngày 17-6-1995, trên phiếu thu ghi rõ người nộp tiền là ông Lưu Văn V (ông V= ký thay bà T), lý do nộp tiền là bồi thường lệ phí đất ở giãn cư năm 1995, có chữ ký của kế toán, chủ tịch UBND xã B thời điểm đó là ông Lưu Quốc Y ký tên, đóng dấu. Đến nay hộ bà T chưa được giao đất tại khu vực ao cá Béc Hồ cũng như tại vị trí khác.

Quá trình giải quyết kiến nghị của bà Tám, UBND huyện Nam Trực cho rằng việc thu tiền của UBND xã Bình Minh nhằm mục đích giao đất cho hộ bà Tám là trái thẩm quyền nên UBND xã Bình Minh chưa thực hiện việc giao đất cho hộ bà Tám tại khu vực ao cá Béc Hồ cũng như vị trí khác. Tuy nhiên, UBND huyện vẫn chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện và UBND xã Bình Minh đối chiếu với các quy định của pháp luật và áp dụng đầy đủ các chính sách của Nhà nước đối với người có công theo quy định hiện hành để đáp ứng nguyện vọng giao đất theo hình thức giá đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho gia đình bà Tám. Đối với khoản tiền 2.400.000 đồng đã thu thì đề nghị được khấu trừ vào số tiền khi giao đất mà bà Tám phải nộp. Nhưng do quỹ đất ở tại xã Bình Minh hiện có không đáp ứng được nguyện vọng của gia đình bà Tám vì gia đình bà yêu cầu phải được nhận đất tại khu vực ao cá Béc Hồ. Do vậy không thể thực hiện việc xem xét công nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất trái thẩm quyền theo Hướng dẫn số 42,1456 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nên khởi kiện yêu cầu UBND huyện Nam Trực giao đất tại khu

vực ao cá Bác Hồ của gia đình bà Tám là không có căn cứ pháp luật để giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết kiến nghị của bà T, UBND xã B cho rằng: Năm 1995 UBND xã B đã thu tiền và dự kiến giao đất tại khu vực ao cá Bác Hồ thuộc thôn Thượng N là 21 lô đất. Kích thước dự kiến giao đất là 100m²/lô (*chiều rộng mặt đường 5m, chiều dài 20m*). Bà Lưu Thị T là một trong những hộ được UBND xã B (nhiệm kỳ 1994 - 1999) thu tiền một lô đất tại khu vực ao cá Bác Hồ để làm nhà ở với số tiền 2.400.000 đồng (có phiếu thu do UBND xã thu tiền). Bà Tám đã rất nhiều lần kiến nghị UBND xã B về việc giao đất nhưng đến nay vụ việc vẫn chưa được giải quyết. Lý do, trong thời gian nhiều năm không tổ chức giao đất được là do cán bộ và nhân dân thôn N không cho bán đất khu vực ao cá Bác Hồ. Theo báo cáo giải trình của nguyên cán bộ địa chính thời điểm 1988-2005, một số hộ tự động nhận đất ông cha, tự ý san lấp, quây vùng nhận phần. Tuy nhiên, ngày 25-6-2019 qua công tác kiểm tra đo đạc xác định đã có 19/21 hộ theo danh sách nộp tiền năm 1995 đã có đất và sử dụng ổn định đến nay. Chỉ còn hộ gia đình bà Lưu Thị T và một hộ dân khác thuộc 21 hộ trong danh sách UBND xã thu tiền cấp đất giãn cư khu vực ao cá Bác Hồ nhưng đến nay chưa được giao đất. Khu vực ao cá hiện nay qua kiểm tra hiện trạng chiều đo giao với mặt đường từ đông sang tây gồm 22 hộ đang sử dụng đã tự phân chia ranh giới. So sánh với danh sách các hộ mà UBND xã thu tiền năm 1995 thì 19 hộ đã có vị trí đất tại thực địa, còn 3 hộ theo sơ đồ không có trong danh sách nộp tiền, tự ý san lấp mặt bằng lấn chiếm từ thời điểm năm 2003 trở về trước.

Báo cáo giải trình của nguyên cán bộ địa chính thời điểm đó về việc hộ bà Tám không được giao đất: Năm 2003 hộ ông Phạm Văn Tr tự ý ra san lấp cắm mốc nhận phần đã xây dựng nhà cấp 4, hộ bà Y ngoài việc nộp tiền năm 1995 để nhận một suất đất thì lấn chiếm thêm một suất để xây nhà cấp 4. Hộ ông X đã chiếm dụng một suất hiện đã xây nhà hai tầng. Như vậy tại khu ao cá Bác Hồ có một số suất đất mà UBND xã đã thu tiền và dự kiến giao đất ban đầu trong đó có hộ nhà bà T hiện nay do hộ ông Tr và hộ bà Y lấn chiếm. UBND xã đã nhiều lần giải quyết tranh chấp nhưng không thành và cũng đã lập báo cáo lên UBND huyện T. Năm 2003, UBND xã B cũng đã tổ chức cưỡng chế việc vi phạm pháp luật đất đai đối với hộ ông Phạm Văn Tr nhưng không thành. Lý do là công tác quản lý đất đai tại địa phương từ trước năm 2004 còn lỏng lẻo, chưa kiên quyết đối với tình trạng lấn chiếm. Vì những lý do trên, đến nay hộ bà Tám vẫn chưa được giao đất.

[2.2] Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 1993 do có chủ trương thực hiện chính sách cấp đất giãn dân tại thôn N, xã B đối với các hộ gia đình chính sách, UBND xã B xem xét nguồn quỹ đất

và nhận thấy khu vực ao cá Béc Hồ thuộc thôn N với diện tích khoảng hơn 2.000m² (*Hai nghìn mét vuông*), dự kiến chia thành 22 thửa đất, diện tích mỗi thửa khoảng 100m² giá tiền cho mỗi thửa là 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi đã hoàn tất các thủ tục, UBND xã B tiến hành thông báo cho các hộ gia đình mà có đủ điều kiện thì sẽ được cấp đất và phải nộp tiền vào ngân sách thì được giao đất. Năm 1993 do điều kiện khó khăn về chỗ ở, gia đình bà Lưu Thị T là vợ của liệt sĩ Nguyễn Văn T, con dâu của gia đình có hai liệt sĩ, mẹ chồng bà T được phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng cùng hai mươi hộ dân khác có đơn gửi UBND xã B xin được cấp đất và đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính ở tại khu vực ao cá Béc Hồ của thôn N, xã B, huyện T. Ngày 17-6-1995 UBND xã B cũng đã thu tiền do gia đình bà T nộp là 2.400.000 đồng (theo phiếu thu số 60) trên phiếu thu ghi rõ người nộp tiền là ông Lưu Văn V (ông V ký thay bà T, lý do nộp tiền bồi thường lệ phí đất ở giãn cư năm 1995, có chữ ký của kế toán, chủ tịch UBND xã B thời điểm đó là ông Lưu Quốc Y ký tên, đóng dấu.

Quan điểm UBND huyện T đến nay cho rằng việc thu tiền của UBND xã B nhằm mục đích giao đất cho các hộ dân trong đó có hộ của gia đình bà T là trái thẩm quyền. UBND xã B cho rằng trong thời gian nhiều năm không tổ chức giao đất được là do cán bộ và nhân dân thôn N không cho bán đất khu vực ao cá Béc Hồ. Tuy nhiên dân không cho bán như quan điểm của UBND xã hoặc bán trái thẩm quyền như quan điểm của UBND huyện thì đến nay khu vực ao cá Béc Hồ đã được người dân sử dụng hết đất để làm nhà ở. Theo như khảo sát của UBND xã B thì toàn bộ diện tích đất thuộc khu vực ao cá Béc Hồ đến nay đã được chia thành 22 lô đất, mặc dù không thực hiện việc giao đất cho các hộ đã mua nhưng trên thực tế thì đã có 19 hộ dân đã nộp tiền mua đất cùng thời điểm với bà T đã được sử dụng ổn định từ nhiều năm nay, ngoài ra có 03 hộ dân không những không thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp tiền vào ngân sách nhưng tự lấn chiếm và vẫn sử dụng ổn định cho đến thời điểm hiện tại. Cũng theo như trình bày của UBND xã B thì địa phương nhiều lần cưỡng chế đối với các hộ dân tự lấn chiếm khu vực ao cá Béc Hồ mà không thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp tiền vào ngân sách nhà nước để lấy đất giao cho hộ bà T nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã yêu cầu UBND huyện T cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên đến phiên tòa hôm nay UBND huyện T vẫn chưa đáp ứng được những tài liệu mà Tòa án yêu cầu. Trên thực tế, địa phương cũng đã xét về tiêu chí, nguyện vọng để giao đất như chủ trương ban đầu cho gia đình bà Lưu Thị T là vợ của liệt sĩ Nguyễn Văn Th, con dâu của gia đình có hai liệt sĩ, mẹ chồng bà T

được phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng nhưng do không cưỡng chế được hoặc không còn quỹ đất như đã thỏa thuận ban đầu với gia đình bà T. Từ phân tích trên, đối chiếu với văn bản pháp luật tại thời điểm 1993 thì chủ trương cấp đất của địa phương cho gia đình bà T như quan điểm của UBND huyện T có thể là trái thẩm quyền. Tuy nhiên chủ trương này là lỗi hoàn toàn thuộc về chính quyền. Chính quyền có chủ trương thì nhận thức của người dân tin tưởng vào chủ trương do chính quyền đề ra mà thực hiện theo chủ trương cũng như nghĩa vụ về tài chính.

Đặc biệt trong vụ án này, gia đình bà T lại là gia đình chính sách, bản thân là vợ của liệt sĩ Nguyễn Văn Th, con dâu của gia đình có hai liệt sĩ, mẹ chồng bà T được phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. Xét trên thực tế, nếu gia đình bà T có khó khăn về vật chất cũng như chỗ ở thì địa phương, cộng đồng và xã hội phải kịp thời có trách nhiệm đáp nghĩa, có chế độ ưu đãi đặc biệt đối với họ để nâng cao chất lượng đời sống cho người có công và thân nhân người có công “Đây là một nghĩa cử và là đạo lý uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa” của dân tộc ta. Tuy nhiên, không vì thế mà gia đình bà T lợi dụng vào chính sách để làm điều sai trái của pháp luật mà gia đình bà T vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính theo yêu cầu của địa phương đã đề ra, không có hành vi lấn chiếm khi chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất như giải trình của UBND xã đối với một số hộ dân khác. Do vậy UBND huyện T không tiến hành giao đất cho hộ gia đình bà T là chưa xem xét toàn diện và là không có cơ sở. Nên yêu cầu khởi kiện của bà Tám là có căn cứ và được chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện T phải có trách nhiệm giao đất ở cho gia đình bà Lưu Thị T với diện tích đất có giá trị tương xứng với số tiền bà T đã nộp tại thời điểm năm 1995.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 22; điểm d khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai 1993.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị T. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định phải có trách nhiệm giao đất ở cho gia đình bà Lưu

Thị T với diện tích đất có giá trị tương xứng với số tiền bà T đã nộp tại thời điểm năm 1995.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP

Nguyễn Đức Cảnh